ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 104 /KH-UBND	*Mường Khương, ngày14tháng 4 năm 2020*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Đề án Tái cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp năm 2020

Thực hiện Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 31/3/2020 của UBND tỉnh Lào Cai, triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp năm 2020; UBND huyện Mường Khương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp năm 2020 trên địa bàn huyện như sau:

I. Kết quả thực hiện đề án năm 2019

Đề án Tái cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 27/11/2015 của Tỉnh ủy Lào Cai về 4 Chương trình công tác, 19 đề án trọng tâm của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa XV nhiệm kỳ 2015-2020. Ngay sau khi Đề án được phê duyệt, UBND huyện đã ban hành các đề án, kế hoạch, dự án trọng tâm [1] và triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp [2].

Năm 2019, Đề án tiếp tục được các ngành, các cấp triển khai quyết liệt, các chỉ tiêu chính về sản xuất nông, lâm nghiệp đều đạt và vượt so với cùng kỳ; tốc độ tăng trưởng 13% đạt 131% so với mục tiêu Đề án. Giá trị sản phẩm trên 1 đơn vị canh tác đạt 56 triệu đồng, đạt 101,82% mục tiêu đề án (55 triệu đông/ha). Tổng sản lượng lương thực đạt 39.776,9 tấn, đạt 99,4% so với mục tiêu đề án (40.000 tấn) và 122,59% mục tiêu Nghị quyết Đại hội (32.500 tấn). Chăn nuôi được duy trì, sản lượng thịt hơi các loại 3.303,8 tấn bằng 100,12% so với mục tiêu đề án (3.300 tấn). Thực hiện đồng bộ các giải pháp triển khai nhiệm vụ tái cơ cấu ngành lâm nghiệp, tỷ lệ che phủ rừng đạt 42,2% bằng 84,4% với mục tiêu đề án (50%). Hết năm 2019 có 4 xã hoàn thành Nông thôn mới, đạt 100% mục tiêu đề án (04 xã); hoàn thành mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2015-2020.

Qua 4 năm tổ chức triển khai thực hiện đề án, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện tiếp tục chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, tăng giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích canh tác, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm. Cơ cấu sản

[1] Đề án số 311/ĐA-UBND ngày 11/3/2016 Đề án Tái cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp huyện Mường Khương giai đoạn 2016-2020; Đề án số 01, 02, 03, 04, 05-ĐA/HU ngày 12/5/2016 gồm các Đề án: Cây chè, cây quýt, cây ớt, lúa Séng cù và chăn nuôi; Kế hoạch triển khai các Đề án trọng tâm của huyện; Kế hoạch thực hiện Đề án các năm 2016,2017,2018,2019; Kế hoạch thực hiện ứng dụng CNC trong sản xuất nông nghiệp các năm 2016,2017,2018. Các dự án trọng tâm: Phát triển chăn nuôi đại gia súc; Xây dựng vùng sản xuất quýt an toàn theo hướng VietGap; Dự án quýt chín muộn; Dự án cây ăn quả ôn đới; Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất ớt…

[2] Quyết định số 143/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 về một số chính sách phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

phẩm trồng trọt đã chuyển mạnh theo hướng tăng tỷ trọng các ngành hàng hóa, sản phẩm có lợi thế và thị trường thuận lợi như sản xuất lúa chất lượng cao, rau trái vụ, cây ăn quả, chè, … Các tiến bộ khoa học kỹ thuật được áp dụng rộng rãi, đặc biệt là canh tác cánh đồng một giống, thâm canh cải tiếu lúa SRI, trồng ngô mật độ cao,… Chăn nuôi chuyển đổi theo hướng nâng cao chất lượng gắn với vệ sinh môi trường nông thôn. Lâm nghiệp phát triển theo hướng trồng rừng đa mục đích, phát triển cây dược liệu dưới tán rừng sản xuất. Liên kết sản xuất được mở rộng, đã có 5 Doanh nghiệp, HTX tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm như: Lúa Séng cù, chè, chuối, ớt … với quy mô gần 5.000 ha; giá trị tiêu thụ qua liên kết đạt trên 286 tỷ đồng. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được triển khai mạnh mẽ, đến nay đã có 8 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP cấp huyện, 04 sản phẩm đạt tiêu chuẩn 3 sao cấp tỉnh .

Trong tổng số 10 chỉ tiêu của Đề án đến năm 2020: Thực hiện hết năm 2019 có 6 chỉ tiêu đạt và vượt, 03 chỉ tiêu đạt trên 93% và 01 chỉ tiêu đạt 84,4%.

Bên cạnh những kết quả đạt được, qua 4 năm triển khai thực hiện Đề án còn có những tồn tại, hạn chế sau:

- Sản xuất nông nghiệp hàng hóa bước đầu đã có kết quả tích cực hình thành và phát triển một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn như: cây chè, cây chuối, cây dứa, cây quýt, cây sa nhân …); một số cây trồng có đầu ra tiêu thụ ổn định (gạo Séng cù, ớt) nhưng sản lượng chưa nhiều; việc nhân rộng mô hình có hiệu quả vào sản xuất đại trà còn hạn chế. Sản xuất chưa gắn kết được các khâu chế biến và tiêu thụ sản phẩm, các sản phẩm sản xuất chủ yếu là bán thô, chưa qua chế biến nên giá trị thu nhập thấp và thường bị ép giá khi được mùa (ngô, chuối, dứa); sản phẩm để quảng bá, tiêu thụ được chứng nhận sản xuất an toàn còn ít.

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô nhỏ, phân tán còn chiếm tỷ lệ cao trên 90% số hộ chăn nuôi; điều kiện cơ sở vật chất, trình độ kỹ thuật chăn nuôi nông hộ còn hạn chế, đặc biệt kiến thức về phòng, chống dịch bệnh. Phát triển chăn nuôi chưa gắn với xây dựng cơ sở giết mổ tập trung theo quy hoạch.

- Trồng rừng sản xuất mới đạt hiệu quả tại các địa bàn vùng thấp, đối với vùng cao chi phí khai thác, vận chuyển lớn nên thu nhập thấp, người dân chưa tích cực trồng rừng sản xuất, hiệu quả kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng.

- Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị mới chỉ thực hiện được trên cây chuối, chè, ớt, lúa séng cù. Còn lại các sản phẩm khác chưa có liên kết tiêu thụ sản phẩm, tiềm ẩn nguy cơ rủi ro.

- Việc duy trì các tiêu chí đạt chuẩn tại các xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới còn nhiều khó khăn, do mức độ đạt chuẩn chỉ vừa đạt, trong khi các địa phương chưa có giải pháp và chỉ đạo quyết liệt để củng cố, nâng cao, đồng thời tỉnh vẫn chưa có cơ chế hỗ trợ thêm cho các xã này.

II. Mục tiêu năm 2020

1. Mục tiêu tổng quát

Thúc đẩy sản xuất nông nghiệp trong điều kiện dịch bệnh Covid – 19 với mục tiêu: Đẩy mạnh sản xuất đảm bảo kế hoạch và cung cấp đủ nông sản cho thị trường; tập trung, quyết liệt phòng chống dịch bệnh, không để lây lan, đẩy mạnh tái đàn, giảm giá thịt lợn; chuẩn bị điều kiện tốt nhất cho sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản khi hết dịch, khai thác tiềm năng và lợi thế để bứt phá. Phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp hữu cơ thân thiện với môi trường, đáp ứng nhu cầu thị trường và thị hiếu người tiêu dùng. Đẩy mạnh liên kết với doanh nghiệp để mở rộng các mô hinh sản xuất nông nghiệp hàng hóa, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo chuỗi giá trị; Chú trọng phát triển các cơ sở chế biến nông, lâm sản quy mô lớn gắn với mở rộng vùng sản xuất hàng hóa; đặc biệt là củng cố, phát triển hợp tác xã nông nghiệp gắn với các dự án hỗ trợ sản xuất nông nghiệp. Triển khai tốt các cơ chế chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn. Phấn đấu hoàn thành vượt mức các mục tiêu Đề án Tái cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp huyện Mường Khương giai đoạn 2016-2020.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt trên 12%; tổng giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 1.338,459 tỷ đồng.

- Cơ cấu kinh tế nội ngành: Nông nghiệp chiếm 89,72% (trồng trọt 64,13%, chăn nuôi 23,2%, dịch vụ nông nghiệp 2,39%), lâm nghiệp chiếm 9,48% và thủy sản chiếm 0,8%.

- Giá trị sản phẩm trên đơn vị diện tích canh tác đạt 60 triệu đồng/ha.

- Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 42.000 tấn, sản lượng thịt hơi chủ yếu đạt 3.320 tấn, sản lượng thủy sản đạt 200 tấn.

- Thực hiện trồng mới 265 ha chè chất lượng cao; Xây dựng 01 nhà máy chế biến chè tại xã La Pan Tẩn.

- Trồng mới 20 ha rau trái vụ.

- Bảo vệ tốt toàn bộ diện tích rừng hiện có, tỷ lệ che phủ rừng đạt 42,4%.

- Phấn đấu thêm 02 xã hoàn thành tiêu chí nông thôn mới, đưa tổng số xã hoàn thành hết năm 2020 là 6 xã; số tiêu chí NTM bình quân 15,12 tiêu chí/xã.

(Có biểu chi tiết 01 kèm theo)

III. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện đề án năm 2020

1. Trồng trọt

1.1. Sản xuất đảm bảo an ninh lương thực

- *Cây lúa:* Năm 2020 khai thác hợp lý và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trồng lúa với diện tích đạt 2.150 ha để đảm bảo đạt sản lượng 11.500 tấn. Duy trì, phát triển diện tích cánh đồng một giống ứng dụng kỹ thuật thâm canh lúa cải tiến SRI đạt 700 ha và vùng lúa chất lượng cao đạt 855 ha với các loại giống lúa chủ yếu là Séng Cù tại các xã: Bản Lầu, Bản Xen, Lùng Vai, Thanh Bình, Nấm Lư, Lùng Khấu Nhin, Mường Khương có khả năng chủ động tưới tiêu. Áp dụng tiến bộ

kỹ thuật, phòng trừ tổng hợp IPM… để giảm chi phí đầu vào và các biện pháp giảm tổn thất sau thu hoạch giúp tăng năng suất, hiệu quả kinh tế.

- *Cây ngô:* Duy trì diện tích đất trồng ngô, tiếp tục tăng vụ ngô trên đất nương đồi, diện tích ngô gieo trồng năm 2020 là 7.100 ha, sản lượng 30.500 tấn. Đẩy mạnh nâng cao tăng năng suất ngô, thông qua áp dụng tiến bộ kỹ thuật trồng ngô mật độ cao đạt 3.100 ha tại các xã, thị trấn như: Bản Xen, Lùng Vai, Thanh Bình, Nậm Chảy, Mường Khương, Nấm Lư, Pha Long. Sử dụng kỹ thuật canh tác trồng ngô mật độ cao 6-7 cây/m^2; sử dụng các giống ngô có năng suất cao, ngắn ngày, ưu tiên sử dụng các giống ngô biến đổi gen phù hợp với điều kiện khí hậu của địa phương, thích ứng với biến đổi khí hậu.

1.2. Phát triển các sản phẩm chủ lực

* *Sản xuất rau trái vụ:* Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế và điều kiện khí hậu tại các xã: Pha Long, Tả Ngài Chồ, Nấm Lư, Lùng Khấu Nhin, Cao Sơn, La Pan Tẩn để phát triển rau trái vụ như: Cà chua, bắp cải, cải thảo. Năm 2020 thực hiện trồng 20 ha rau trái vụ (Pha Long 2ha, Tả Ngài Chồ 10ha, Nấm Lư 2ha, Lùng Khấu Nhin 2ha, Cao Sơn 2ha, La Pan Tẩn 2ha) gắn với liên kết và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

* *Phát triển dược liệu:* Duy trì diện tích trồng cây sa nhân năm 2019 là 994,9 ha, trồng mới 78,19 ha để hết năm 2020 đạt 1.073,09 ha, trong đó diện tích dược liệu theo hướng ứng dụng công nghệ cao là 50 ha. Trồng mới 100 ha Sả tại xã Tả Thàng thu hút các doanh nghiệp liên kết tiêu thụ dược liệu.

* *Phát triển cây ăn quả ôn đới:* Duy trì diện tích vườn cây ăn quả ôn đới hiện có 349 ha, trồng mới 374 ha, lũy kế hết năm 2020 diện tích cây ăn quả ôn đới đạt 723 ha; trong đó: cây lê 75 ha, cây mận 484 ha, cây hồng giòn 156 ha và cây đào 8,0 ha. Tập trung, sử dụng các giống tốt có năng suất, chất lượng cao và đồng đều, khuyến khích phát triển một số loại cây ăn quả có tiềm năng, có thị trường tiêu thụ lớn. Sử dụng túi bọc quả chống côn trùng chích hút; đốn tỉa cành, tỉa quả chăm sóc cây trồng đúng quy trình tạo sản phẩm đẹp và chất lượng.

* *Cây chè:* Mở rộng diện tích chè, gắn vùng nguyên liệu với công nghiệp chế biến, đến hết năm 2020 diện tích chè tập trung đạt 3.436 ha.

- Phát triển vùng nguyên liệu: Tổ chức trồng mới 265 ha chè. Áp dụng các kỹ thuật tiên tiến trong trồng trọt, đảm bảo tỷ lệ sống cao. Đầu tư, ứng dụng công nghệ chế biến chè Ô long tạo ra các sản phẩm có chất lượng, xây dựng tem nhãn đảm bảo quy định.

- Thâm canh, tăng năng suất chè kinh doanh: Duy trì và phát triển diện tích thâm canh chè đến hết năm 2020 đạt 2.127 ha. Nâng cấp công suất dây truyền chế biến đảm bảo chế biến tiêu thụ hết sản phẩm chè búp tươi cho nhân dân; tổ chức chứng nhận vùng sản xuất theo các tiêu chuẩn hiện hành, xây dựng thương hiệu sản phẩm và xúc tiến đầu tư thương mại, tìm kiếm thị trường tiêu thụ ổn định.

** Cây chuối, dứa:* Tiếp tục duy trì, phát triển ổn định vùng sản xuất chuối, dứa trên địa bàn huyện. Trong đó: Diện tích chuối 2.003 ha tập trung tại các xã Bản Lầu, Bản Xen, Lùng Vai, Thanh Bình và Nậm Chảy; quy hoạch vùng sản xuất chuối tập trung, rà soát các diện tích sản xuất hiệu quả, tập trung cải tạo phát triển thành vùng sản xuất hàng hóa, sử dụng các công nghệ tưới tiên tiến, công nghệ bảo quản chế biến sau thu hoạch nhằm thâm canh, tăng năng suất, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Cây dứa diện tích 775 ha tập trung tại các xã Bản Lầu, Lùng Vai và Bản Xen; xây dựng thương hiệu sản phẩm dứa, tạo chuỗi giá trị hàng hóa bền vững, đồng thời thu hút xây dựng nhà máy chế biến dứa chuối xuất khẩu tại xã Bản Lầu.

(Có biểu chi tiết 02,03 kèm theo)

2. Chăn nuôi, thủy sản

2.1. Chăn nuôi

Tập trung phát triển chăn nuôi, tái đàn phát triển sản xuất; phấn đấu hết năm 2020 tổng đàn gia súc, gia cầm đảm bảo hoàn thành 100%KH (năm 2020 đã giao tổng đàn gia súc 50.450 con, đàn gia cầm 236.000 con), sản lượng thịt hơi chủ yếu đạt 3.320 tấn.

Thực hiện tái cơ cấu đàn vật nuôi theo vùng và phát huy lợi thế so sánh, đáp ứng nhu cầu thị trường, trong đó: Đẩy mạnh tiến độ và quy mô tái đàn lợn đảm bảo an toàn sinh học, khôi phục đàn lợn nhằm ổn định thị trường và giá cả các mặt hàng thịt lợn. Vùng thấp đẩy mạnh chuyển đổi từ phương thức chăn nuôi nông hộ sang phương thức chăn nuôi (gia trại, trang trại, công nghiệp và bán công nghiệp phù hợp với từng loại vật nuôi, tập trung vào 2 đối tượng chính là lợn và gia cầm). Vùng cao tập trung phát triển chăn nuôi đại gia súc; phát triển mạnh đàn lợn đen bản địa, chăn nuôi gia cầm bản địa. Khuyến khích phát triển chăn nuôi hữu cơ, chăn nuôi an toàn; liên kết sản xuất theo chuỗi để giảm chi phí, tăng hiệu quả; kêu gọi, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác liên kết đầu tư sản xuất - tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi để tạo thị trường tiêu thụ ổn định.

Cải tạo nâng cao chất lượng giống vật nuôi: Cải tạo và nâng tầm vóc đàn bò bằng biện pháp bình tuyển, chọn lọc các con đực giống tốt địa phương để lai tạo đàn; xây dựng vùng giống lợn bản địa tại xã Bản Lầu, Bản Xen và Lùng Vai.

Bảo vệ đàn gia súc, gia cầm: Tiêm phòng 107.800 liều vacxin các loại (Tụ huyết trùng trâu bò 21.000 liều, Lở mồm long móng trâu bò 21.000 liều, Tụ huyết trùng lợn 16.000 liều, Dịch tả lợn 16.000 liều, Dại chó 3.800 liều, Cúm gia cầm 30.000 liều). Tiếp tục thực hiện các biện pháp kiểm soát dịch bệnh, đặc biệt dịch tả lợn châu Phi, cúm gia cầm. Thực hiện quy hoạch xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung ở thị trấn Mường Khương để kiểm soát dịch bệnh và đảm bảo an toàn thực phẩm.

2.2. Thủy sản

Thực hiện Tái cơ cấu ngành thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, trên cơ sở khai thác, sử dụng hiệu quả lợi thế, tiềm năng diện tích mặt nước của từng địa phương, hình thành các vùng nuôi tập trung tạo sản phẩm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm. Diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2020 ước đạt 90 ha, sản lượng 200 tấn. Phát triển nuôi cá lồng trên sông, hồ chứa tại xã Tả Thàng để nâng cao giá trị sản xuất thủy sản. Áp dụng hình thức nuôi bán thâm canh và thâm canh đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm để tăng năng suất, sản lượng.

Cơ cấu mùa vụ: Thực hiện hình thức thả giống rải vụ để tránh tình trạng được mùa mất giá, tồn đọng lượng lớn sản phẩm nuôi vào một thời điểm nhất định. Tiến hành thả nhiều vụ (2-3 vụ) trong năm như thả vụ sớm vào tháng 2-3 thu hoạch tháng 8-9, chính vụ tháng 4-5 thu hoạch tháng 10-11, thả vụ muộn tháng 8-10 để sang đầu năm sau tiến hành thu hoạch.

Đối tượng nuôi và phương thức nuôi: Đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi để đáp ứng nhu cầu thị trường, giảm thiểu rủi ro; tiến hành nuôi thương phẩm các đối tượng có giá trị kinh tế (cá diêu hồng, cá trắm, cá chép, cá bỗng …).

(Có biểu chi tiết 04 kèm theo)

3. Lâm nghiệp

3.1. Nâng cao chất lượng, giá trị rừng

- Rừng tự nhiên: Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có (trong đó có 8.365 ha sử dụng từ ngân sách nhà nước), phát huy giá trị đa dạng sinh học, bảo tồn nguồn gen; khoanh nuôi tái sinh 700ha. Giảm diện tích canh tác thảo quả dưới tán rừng phòng hộ.

- Rừng trồng và lâm sản ngoài gỗ: Chuyển đổi cơ cấu cây trồng kinh tế phát triển nhanh, phù hợp với nhu cầu chế biến và đảm bảo quy hoạch vùng nguyên liệu đã được phê duyệt; đẩy mạnh trồng các loại cây gỗ lớn: Xoan ta, xoan đào, mỡ …; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chặt chẽ chuỗi hành trình giống cây trồng lâm nghiệp, đảm bảo đáp ứng đủ cây giống cả về chất lượng và số lượng. Năm 2020 trồng mới 400ha (rừng sản xuất và trồng lại sau khai thác), đẩy mạnh xã hội hóa trồng rừng, tăng cường tuyên truyền, vận động khuyến khích người dân đầu tư trồng rừng; tiến hành rà soát quy hoạch đất lâm nghiệp tại các địa phương để đảm bảo thực hiện tốt công tác xã hội hóa trồng rừng; trồng các loại cây lâm nghiệp thích hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng. Tiếp tục phát triển các loài cây lâm sản ngoài gỗ đặc trưng của địa phương kết hợp với bảo vệ và phát triển rừng ổn định, tăng thu nhập từ rừng để phát triển bền vững; rà soát quy hoạch, nhân rộng một số loài lâm sản ngoài gỗ cho hiệu quả kinh tế cao như hồi, trẩu, sa nhân, sơn tra, quế, dược liệu dưới tán rừng… đẩy mạnh trồng quế triết xuất tinh dầu gắn với nhà máy chế biến.

Tiếp tục tăng cường các biện pháp cấp bách bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao hiệu quả khoán bảo vệ rừng, chủ động phòng cháy, chữa cháy rừng. Chấn

chỉnh công tác chế biến, mua bán gỗ trái phép trên địa bàn, ngăn chặn xử lý vi phạm kịp thời các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp. Đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất thúc đẩy trồng rừng, cải tạo và khoanh nuôi tái sinh; đối với rừng đặc dụng tăng cường chống chặt phát, cháy rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.

3.2. Nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm, chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ

Tập trung đầu tư công nghệ chế biến mới, hiện đại, thân thiện với môi trường để nâng cao giá trị sản phẩm, giá trị rừng; quản lý các cơ sở chế biến trên địa bàn huyện hoạt động hiệu quả.

Đối với các cơ sở chế biến gỗ nhỏ lẻ: Tăng cường quản lý nhà nước, loại bỏ các cơ sở chế biến lâm sản không có vùng nguyên liệu; hạn chế cơ sở sản xuất ván bóc và các cơ sở chế biến gần rừng tự nhiên.

3.3. Quy hoạch 3 loại rừng

Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát quy hoạch lại 3 loại rừng để ổn định sản xuất. Tiếp tục khoán bảo vệ rừng bằng các hình thức phù hợp đối với diện tích rừng phòng hộ rất xung yếu và những diện tích có nguy cơ xâm hại cao để phát huy hiệu quả, gắn với từng địa phương cơ sở, cộng đồng dân cư theo bản sắc văn hóa đồng bào các dân tộc; thực hiện đồng quản lý giữa chủ rừng nhà nước với các cộng đồng dân tộc thiểu số để nâng cao trách nhiệm, quyền hạn của cộng đồng dân tộc thiểu số trong công tác quản lý và bảo vệ rừng bền vững.

4. Phát triển nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới

Tập trung chỉ đạo thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn huyện, trong đó tập trung phát triển sản xuất và hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp các ngành, đặc biệt là trách nhiệm của người dân trong mỗi nội dung xây dựng NTM ở địa phương; huy động các nguồn lực xã hội hóa đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Duy trì và tiếp tục phát triển nâng cao chất lượng các tiêu chí đã hoàn thành đến hết năm 2019, phấn đấu năm 2020 có 02 xã hoàn thành xây dựng NTM nâng tổng số xã hoàn thành NTM đạt 6 xã, số tiêu chí NTM bình quân đạt được 15,18 tiêu chí/xã.

Đẩy mạnh phát triển các loại hình kinh tế hợp tác, tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất để nâng cao thu nhập. Thay đổi mô hình kinh tế hộ sang kinh tế tập thể với nòng cốt là các tổ hợp tác, HTX để liên kết với doanh nghiệp trong chuỗi giá trị; hình thành các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoặc liên kết một số khâu trong chuỗi giá trị, nhất là khâu thu mua, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

5. Một số giải pháp thực hiện

** Về đất cho sản xuất*

Thực hiện tích tụ đất đai để mở rộng phát triển hàng hóa, chuyển mục đích sử dụng đất linh hoạt theo đúng quy hoạch, kế hoạch và nhu cầu thị trường, nhất là chuyển đổi đất trồng lúa, ngô, đậu tương không hiệu quả sang trồng cây khác có

hiệu quả. Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục chuyển nhượng, thuê, góp đất nông nghiệp, vận động người dân "dồn điền, đổi thửa" khuyến khích tích tụ ruộng đất để phát triển sản xuất quy mô lớn. Thực hiện việc chuyển nhượng, hợp đồng thuê, góp đất liên kết theo đúng thủ tục hành chính,đảm bảo nhanh gọn, giảm tối đa các phiền hà trong giao dịch hành chính; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong sử dụng đất nông, lâm nghiệp và thủy sản theo quy định của nhà nước.

** Về khoa học, công nghệ phục vụ sản xuất*

Đẩy mạnh chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ, ưu tiên cho nghiên cứu, chuyển giao và sản xuất các loại giống chất lượng cao, công nghệ chế biến, bảo quản giảm tổn thất sau thu hoạch; xây dựng mô hình, chuyển giao ứng dụng khoa học và công nghệ mới, có hiệu quả kinh tế cao để nhân rộng, nhất là các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau, quả, chè, chăn nuôi theo hướng an toàn. Tăng cường hợp tác với các Viện, Trung tâm nghiên cứu khoa học, doanh nghiệp để thử nghiệm, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

** Thực hiện đào tạo nghề cho nông dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành và lao động trực tiếp sản xuất*

Phối hợp tổ chức các lớp đào tạo, nâng cao năng lực trình độ chuyên môn cho cán bộ ngành nông nghiệp, đặc biệt quan tâm vai trò của mạng lưới cán bộ cơ sở. Đẩy mạnh bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn cho các tổ chức, doanh nghiệp, hộ nông dân nhằm chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất; chú trọng đối với các đối tượng tham gia sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tổ chức đoàn tham quan học tập, nghiên cứu các mô hình về sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại một số địa phương cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

** Cơ chế, chính sách*

Triển khai thực hiện các chủ trương lớn của nhà nước như các Nghị định, Nghị quyết, Quyết định của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản… Tiếp tục đẩy mạnh hỗ trợ Doanh nghiệp tiếp cận vốn vay, giãn nợ, vay vốn ngân hàng với lãi suất ưu đãi để tiếp tục duy trì sản xuất và phục hồi kinh doanh sau khi dịch Covid - 19 được khống chế; đẩy mạnh việc tuyên truyền để chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp theo Nghị quyết 12/2018/NQ-HĐND vào cuộc sống nhất là tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận các nguồn vốn vay được hỗ trợ lãi suất đầu tư mở rộng quy mô và cải tiến công nghệ sản xuất.

** Tổ chức sản xuất*

Phát triển mạnh mạng lưới cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản nông sản sau thu hoạch bằng các giải pháp thu hút tạo điều kiện để doanh nghiệp, HTX vào đầu tư, xây dựng; năm 2020 phấn đấu huyện có 2-3 cơ sở chế biến, bảo quản sau thu hoạch có quy mô phù hợp. Trước mắt tạo điều kiện xây dựng nhà máy chế biến

dứa, chuối tại xã Bản Lầu; nhà máy chế biến chè tại xã La Pan Tẩn. Nâng cao vai trò, vị trí của kinh tế tập thể, phát triển các loại hình kinh tế hợp tác, tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất. Thay đổi mô hình kinh tế hộ sang kinh tế tập thể với nòng cốt là các tổ hợp tác, HTX để liên kết với doanh nghiệp trong chuỗi giá trị.

** Tổ chức thực hiện*

Các địa phương cần tích cực, quyết liệt chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu cây trồng, liên kết phát triển sản xuất bền vững, huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc, trong đó công tác tuyên truyền vận động nhân dân là quan trọng. Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các địa phương trong quản lý vật tư đầu vào; thẩm định phê duyệt các chương trình, dự án; đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, phát triển mạnh tổ nhóm, HTX để làm đầu mối liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm; phát triển các cơ sở chế biến bảo quản nông sản sau thu hoạch; tổ chức sản xuất quy mô đủ lớn đáp ứng sản xuất hàng hóa, gắn với xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, sản xuất an toàn vệ sinh thực phẩm; gắn sản xuất với tiêu thụ, để gia tăng giá trị thu nhập/ đơn vị canh tác.

IV. Nguồn vốn đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư

- Ngân sách Trung ương: Nguồn chương trình mục tiêu Quốc gia
- Nguồn ngân sách tỉnh: Chính sách khuyến khích phát triển sản xuất; chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng; chính sách hỗ trợ xuất khẩu, xúc tiến thương mại… và nguồn khác.
- Nguồn ngân sách huyện: Nguồn vốn lồng ghép từ Chương trình mục tiêu Quốc gia, ngân sách huyện và các nguồn thu hợp pháp khác.
- Các nguồn vốn hợp pháp khác: Chi trả dịch vụ Môi trường rừng; nguồn vốn đầu tư các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

2. Nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án năm 2020

Dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện: **35.380,4 triệu đồng**, trong đó:

- Vốn ngân sách: 16.963,4 triệu đồng
- Vốn nhân dân đóng góp: 18.417 triệu đồng

(Có biểu chi tiết 05 kèm theo)

V. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện kế hoạch; xây dựng các phương án, kế hoạch cụ thể cho từng nội dung triển khai thực hiện.
- Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, báo cáo UBND huyện và Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lào Cai theo quy định.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện

Phối hợp với các cơ quan xây dựng kế hoạch, cân đối nguồn vốn thực hiện.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện

Chủ trì quản lý, xây dựng kế hoạch sử dụng đất phù hợp yêu cầu phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp về đất để đầu tư sản xuất, đảm bảo sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước, bảo vệ môi trường bền vững.

4. Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện

Hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp phát triển công nghiệp chế biến, xúc tiến thương mại thiết lập mạng lưới phân phối và tìm kiếm thị trường, nhằm đảm bảo tính bền vững trong sản xuất và tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ từ chương trình khuyến công.

5. Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT, Ngân hàng Chính sách-xã hội huyện

Tổ chức thực hiện các chính sách về tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

6. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện

Phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyên môn của huyện, UBND các xã, thị trấn triển khai tuyên truyền, vận động, thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư, hỗ trợ đầu tư sản xuất phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp; chỉ đạo lực lượng khuyến nông xã, khuyến nông thôn bản làm tốt công tác hướng dẫn, chuyển giao khoa học kỹ thuật.

Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; kiểm soát chặt chẽ các hoạt động giết mổ, kiểm dịch vận chuyển.

Làm tốt công tác dự tính, dự báo tình hình phát sinh sâu bệnh hại, kịp thời hướng dẫn nhân dân phòng trừ có hiệu quả; tăng cường phối hợp trong công tác quản lý, hướng dẫn sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn theo quy định.

7. Hạt Kiểm lâm huyện

Phối hợp với phòng Nông nghiệp & PTNT huyện, UBND các xã, thị trấn triển khai và thực hiện tốt nội dung kế hoạch tái cơ cấu ngành lâm nghiệp năm 2020.

8. UBND các xã, thị trấn

- Xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện kế hoạch tái cơ cấu kinh tế nông lâm nghiệp năm 2020; tăng cường phối hợp quản lý chất lượng nông sản; tổng hợp báo cáo UBND huyện, các cơ quan liên quan.

- Chỉ đạo, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân về mục tiêu, hiệu quả và các cơ chế, chính sách hỗ trợ của nhà nước về các chương trình, dự án

để nhân dân tích cực thực hiện đúng quy hoạch, áp dụng đúng quy trình kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sản xuất.

Trên đây là kế hoạch triển khai thực hiện tái cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp huyện Mường Khương năm 2020./.

Nơi nhận:
- TT Huyện ủy, Lãnh đạo HĐND-UBND huyện;
- Các phòng: Nông nghiệp & PTNT, Tài chính - KH, Tài nguyên & MT, Kinh tế - HT huyện;
- Các đơn vị: Hạt Kiểm lâm, Trung tâm DVNN, Ngân hàng NN&PTNT, Ngân hàng CSXH huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, PNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ủy ban nhân dân huyện Mường Khương
Tỉnh Lào Cai
14-04-2020 10:58:10 +07:00

Đinh Trọng Khôi